

Số: 1436 /QĐ-LTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ Tin học trình độ A

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học trình độ A tổ chức ngày 23 tháng 10 năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 70 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A tổ chức ngày 23/10/2016 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A và được hưởng mọi quyền lợi theo qui định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. *neu*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC TRÌNH ĐỘ A

Kỳ kiểm tra tháng 10/2016 - Ngày kiểm tra: 23/10/2016

(Kèm theo Quyết định số 1436../QĐ-LTT ngày 04. tháng 11. năm 2016
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	NƠI SINH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	14000811	14CBOT01	Nguyễn Trường An	31/01/1996	Vĩnh Long	7.0	3.0	5.0	Trung bình
2	14000767	14CBCK01	Huỳnh Thiên Ân	16/11/1996	Tp.HCM	8.5	3.0	5.8	Trung bình
3	13D2010005	13CB-CK1	Trần Đình Ất	25/05/1995	Hà Tĩnh	7.0	4.5	5.8	Trung bình
4	13D2010011	13CB-CK1	Vòng Đình Bích	04/08/1994	Đồng Nai	7.0	5.0	6.0	Trung bình
5	13D2010012	13CB-CK1	Nguyễn Trương Bửu	26/12/1995	Đồng Tháp	6.0	4.5	5.3	Trung bình
6	13D2010017	13CB-CK1	Trần Bảo Chính	08/06/1992	Bình Thuận	6.0	5.0	5.5	Trung bình
7	15002488	15CB-ĐĐT6	Nguyễn Đình Công	01/02/1996	Đồng Nai	8.5	8.8	8.6	Giỏi
8	14001095	14CBMT01	Nguyễn Thị Phương Diễm	27/10/1995	Đồng Nai	8.0	4.0	6.0	Trung bình
9	14000876	14CBOT02	Nguyễn Tiến Đông	04/07/1996	Bình Thuận	7.0	3.5	5.3	Trung bình
10	13B2040041		Huỳnh Minh Dương	13/07/1993	Bình Định	7.0	3.0	5.0	Trung bình
11	15002117	15CB-ĐĐT5	Trần Tuấn Duy	15/11/1997	Tp.HCM	7.0	3.0	5.0	Trung bình
12	14000029	14TCĐC01	Trần Thanh Hải	29/04/1995	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
13	15002550	15TCT-ĐL	Lê Thành Hân	12/12/1997	Bình Định	6.5	3.5	5.0	Trung bình
14	14000831	14CBOT01	Lê Minh Hoàng	25/01/1995	Tp.HCM	8.5	4.0	6.3	Trung bình
15	14000832	14CBOT01	Đào Duy Hưng	21/09/1996	Tp.HCM	7.0	3.0	5.0	Trung bình
16	14000099	14TCĐL01	Huỳnh Hoàng Hưng	26/10/1990	Bình Thuận	9.5	8.8	9.1	Giỏi
17	14001001	14CBOT04	Nguyễn Trọng Khoa	12/10/1996	Đồng Tháp	7.0	3.0	5.0	Trung bình
18	13D2060024	13CB-NL1	Nguyễn Minh Kí	09/03/1994	Tây Ninh	6.5	5.0	5.8	Trung bình
19	15001506	15CB-Ô6	Nguyễn Anh Kiệt	20/05/1997	Tây Ninh	8.0	8.0	8.0	Giỏi
20	14000887	14CBOT02	Nguyễn Thanh Lâm	22/08/1995	Bình Phước	8.0	3.0	5.5	Trung bình
21	14000218	14TCÔT01	Trịnh Lâm	07/09/1992	Bình Thuận	5.5	8.0	6.8	Trung bình
22	14000448	14CBĐT02	Lương Quốc Lộc	12/10/1995	Bình Phước	8.0	5.0	6.5	Trung bình
23	13D2010112	13CB-CK2	Nguyễn Hữu Lý	20/11/1995	Tp.HCM	8.0	4.0	6.0	Trung bình
24	14001006	14CBOT04	Nguyễn Huỳnh Nam	22/11/1996	Lâm đồng	6.0	4.0	5.0	Trung bình
25	12CDM2040017		Đỗ Văn Nay	20/12/1991	Trà Vinh	8.5	8.0	8.3	Giỏi
26	15002688	15CB-MTT3	Trần Thị Ngà	28/08/1997	Quảng Bình	7.0	6.0	6.5	Trung bình
27	14000657	14CBCK01	Nguyễn Trọng Nghĩa	29/03/1996	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
28	14001007	14CBOT04	Trần Hữu Nghĩa	24/04/1995	Long An	7.0	3.0	5.0	Trung bình
29	13D2050128	13CB-Ô2	Trần Văn Phương Ngọc	30/10/1995	Tiền Giang	8.0	4.0	6.0	Trung bình
30	14000659	14CBCK01	Bùi Thị Nguyệt	21/09/1995	Hà Tĩnh	6.0	4.0	5.0	Trung bình
31	13D2050133	14CBOT05	Hồ Xuân Nhân	14/08/1995	Đắk Lắk	8.0	5.5	6.8	Trung bình
32	14000895	14CBOT02	Phạm Minh Nhật	16/10/1996	Đồng Nai	10.0	3.0	6.5	Trung bình
33	14000788	14CBCK02	Nguyễn Vĩnh Nhu	24/01/1996	Long An	7.0	3.0	5.0	Trung bình
34	14000847	14CBOT01	Lưu Tấn Phát	20/11/1996	Tp.HCM	7.0	3.0	5.0	Trung bình
35	15003487	15TN-NL	Võ Thanh Phong	22/04/1995	Quảng Ngãi	6.5	3.5	5.0	Trung bình
36			Trần Nguyễn Chí Phong	08/08/1994	Khánh Hòa	7.0	3.0	5.0	Trung bình
37	13D2010145	13CB-CK3	Phạm Huỳnh Nga Phong	06/10/1994	Long An	5.5	4.5	5.0	Trung bình
38	14000054	14TCĐC01	Trần Thanh Phú	01/09/1996	Long An	6.5	3.5	5.0	Trung bình
39	13B2250094	14TCÔT01	Trần Văn Phúc	19/08/1995	Hải Phòng	5.0	6.0	5.5	Trung bình
40	13D3010162	13CB-ĐT2	Võ Trường Phúc	08/09/1995	TP.HCM	7.0	4.0	5.5	Trung bình
41	13D3010098	13CB-ĐT1	Nguyễn Minh Phương	20/03/1994	Nghệ An	6.5	5.5	6.0	Trung bình
42	13D3010096	13CB-ĐT2	Hoàng Minh Phương	14/09/1993	Bình Phước	7.0	3.0	5.0	Trung bình
43	HVN		Hoàng Xuân Quyền	22/01/1984	Đồng Nai	10.0	9.0	9.5	Giỏi
44	13D2010170	13CB-CK3	Cáp Minh Quyền	20/02/1995	Bình Định	5.0	8.0	6.5	Trung bình
45	14000613	14CBNL01	Lê Hoàng Sự	09/01/1996	Ninh Thuận	6.5	3.5	5.0	Trung bình
46	14000857	14CBOT01	Nguyễn Lê Minh Tân	23/09/1996	Tp.HCM	7.0	3.0	5.0	Trung bình
47	13D3010116	13CB-ĐT1	Vũ Hứa Minh Tân	21/10/1995	Đồng Nai	7.0	3.0	5.0	Trung bình
48	14000294	14TCÔT02	Nguyễn Hoàng Thạch	01/01/1996	Tây Ninh	7.0	3.0	5.0	Trung bình
49	14000522	14CBĐC01	Phạm Duy Thắng	03/04/1995	Thái Nguyên	5.0	5.0	5.0	Trung bình
50	14000614	14CBNL01	Đỗ Bá Thành	18/08/1995	Tiền Giang	7.0	3.0	5.0	Trung bình
51	13D2010193	13CB-CK1	Nguyễn Tấn Thành	12/01/1995	Long An	6.5	3.5	5.0	Trung bình
52	14000708	14CBCK02	Phạm Mạnh Thi	03/07/1995	Tp.HCM	7.5	4.0	5.8	Trung bình
53	14000964	14CBOT03	Lê Quang Thịnh	01/02/1996	Bình Thuận	7.0	3.0	5.0	Trung bình
54	14001126	14CBMT01	Đỗ Thị Mộng Thu	28/09/1996	Đồng Nai	7.0	3.0	5.0	Trung bình
55	14000467	14CBĐT02	Nguyễn Minh Thương	25/11/1995	Bến Tre	8.0	5.5	6.8	Trung bình
56	14000711	14CBCK02	Nguyễn Thành Thương	09/07/1996	Tiền Giang	7.0	3.0	5.0	Trung bình
57	14000910	14CBOT02	Trần Hữu Tiền	20/10/1996	Bình Định	7.0	3.0	5.0	Trung bình
58	15002347	15CB-ĐĐT6	Kiều Anh Toàn	12/08/1993	Ninh Thuận	5.5	7.0	6.3	Trung bình
59	14000968	14CBOT03	Trương Ngọc Toàn	06/12/1994	Lâm Đồng	8.0	3.0	5.5	Trung bình
60	14000244	14TCÔT01	Nguyễn Minh Trí	16/10/1996	Bình Thuận	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	LỚP	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	NƠI SINH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
61	14001027	14CĐOT04	Trần Hoài	Trọng	12/07/1995	Tp.HCM	9.5	3.0	6.3	Trung bình
62	13D2050227	13CĐ-Ô3	Đoàn Quang	Trung	18/02/1995	Đồng Nai	4.0	6.0	5.0	Trung bình
63	14000622	14CĐNL01	Nguyễn Minh	Trung	22/08/1996	Cần Thơ	9.0	9.0	9.0	Giỏi
64	14000805	14CĐCK03	Mai Thanh	Trung	02/08/1996	Bình Định	10.0	6.0	8.0	Khá
65	14000916	14CĐOT02	Nguyễn Nhật	Trường	17/06/1996	Tiền Giang	9.0	3.0	6.0	Trung bình
66	14000248	14TCỐT01	Ngô Tấn	Tú	27/11/1992	Đắk Lắk	6.5	3.5	5.0	Trung bình
67	14000718	14CĐCK02	Đỗ Đức Anh	Tuấn	12/04/1996	Lâm Đồng	6.5	3.5	5.0	Trung bình
68	14000581	14CĐĐC02	Võ Thanh	Tùng	18/10/1996	Bình Thuận	6.5	3.5	5.0	Trung bình
69	14000979	14CĐOT03	Trần Thanh	Vũ	31/08/1996	Bình Thuận	7.0	4.0	5.5	Trung bình
70	14000722	14CĐCK02	Nguyễn Văn	Vương	22/02/1995	Bình Thuận	6.5	3.5	5.0	Trung bình

(Danh sách có 70 học viên)

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc